
Bản án số: 333/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2021.
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP H-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Trần Văn Chánh

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh -Cán bộ Tòa án nhân dân TP. H, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. H: Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP H có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2002/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021.

- Nguyên đơn: ông Phạm Đăng N, sinh năm 1987

Trú tại: 48/9, khu phố 1, phường T, TP H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Hoàng Huyền T, sinh năm 1990

Trú tại: 22/45, khu phố 8, phường H, TP H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021, các lời khai tại hồ sơ ông Phạm Đăng N trình bày:**

Ông và bà Hoàng Huyền T kết hôn với nhau năm 2016 hôn nhân tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, TP. H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và không còn tôn trọng nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân ba năm nay. Nay xét thấy đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn xin được ly hôn với bà T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 08/11/2021, bị đơn bà Hoàng Huyền T trình bày:**

Bà và ông N kết hôn với nhau năm 2016, hôn nhân tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, TP. H cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và không còn tôn trọng nhau. Nay xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông N làm đơn xin được ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý ly hôn để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Ông Phạm Đăng N và bà Hoàng Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, Tòa án nhân dân thành phố H đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông Phạm Đăng N là nguyên đơn trong vụ án, **bà Hoàng Huyền T** là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: **ông Phạm Đăng N và bà Hoàng Huyền T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông N, bà T sau khi kết hôn, chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, đã sống ly thân ba năm nay. Ông N xin ly hôn, bà T cũng đồng ý ly hôn và đề nghị không hòa giải. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của **ông Phạm Đăng N**.

[2]Về con chung: Khai không có nên không đặt ra xem xét.

[3]Về tài sản chung: Khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]Về nợ chung: Khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí HNGĐ-ST: Ông Phạm Đăng N phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đăng N.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa ông Phạm Đăng N và bà Hoàng Huyền T.

- **Về con chung:** Khai không có nên không đặt ra xem xét.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Khai không có nên không đặt ra để xem xét.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Ông Phạm Đăng N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Đăng N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000495 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp H;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp H;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa